

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HSST
Ngày 23/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Đức Tươi và bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Chính, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, từ ngày 21/01/2025 đến ngày 23/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 371/2024/HSST ngày 04/12/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2024/QĐXXST-HS ngày 27/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Văn B.** Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1956

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam

ĐKHKT và nơi ở: Tổ 09, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không; con ông Tạ Văn Tích (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thoa (đã chết); gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ là Hà Thị Duyên, sinh năm 1958; có 03 con, con lớn sinh năm 1979, con nhỏ sinh năm 1983.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: không

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào). (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Ông Nguyễn Phúc L, sinh năm 1954. (Có mặt)

Trú quán: Tổ 09, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên.

Người bào chữa cho bị cáo B: Ông Vũ Văn Chương và ông Nguyễn Đức Năng - Luật sư công ty Luật Năng và Partner - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1954 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ 09, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên

2. Bà Hà Thị Duyên, sinh năm 1958 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ 09, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên

3. Anh Hoàng Đình Thành, sinh năm 1974 *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm Vũ Chấn, xã Thượng Đình, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên

4. Anh Dương Xuân Tám, sinh năm 1979 *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm Vũ Chấn, xã Thượng Đình, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên

5. Anh Hoàng Đình Tiến, sinh năm 1988 *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm Vũ Chấn, xã Thượng Đình, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tạ Văn B và gia đình ông Nguyễn Phúc L (sinh năm 1954, trú tại: Tổ 09, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) có vợ là bà Nguyễn Thị Hiền (sinh năm 1954, HKTT: Tổ 09, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) là hàng xóm sinh sống cạnh nhà nhau. Trước đó, hai gia đình có xảy ra tranh chấp về đất đai đã được Ủy ban nhân dân phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên giải quyết.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06/3/2024, Tạ Văn B thuê nhóm 03 người gồm: Anh Hoàng Đình Thành, sinh năm 1974; Anh Dương Xuân Tám, sinh năm 1979; anh Hoàng Đình Tiến (sinh năm 1988, cùng trú tại: Xóm Vũ Chấn, xã Thượng Đình, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên) đến đổ bê tông rãnh nước phần móng phía sau của nhà anh Tạ Duy, sinh năm 1981, con trai B tại tổ 9, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Phần móng nhà cần sửa chữa nằm sát mương thoát nước giáp ranh với phần đất vườn của gia đình ông L. Quá trình làm việc, B sử dụng 01 chiếc liềm kim loại gắn với cán tre có tổng chiều dài khoảng 1,3m để cào hết rác phía bên dưới mương nước giáp chân móng nhà. Sau khi dọn rác xong, B giao cho anh Thành, anh Tám và anh Tiến đặt máy bơm hút nước thải ra và đặt phần ống thoát nước sát theo bờ tường gạch của nhà ông L. Lúc này, ông L cùng vợ là bà Hiền đi đến ngăn cản nhóm của anh Thành làm việc. Anh Thành kể lại sự việc cho B biết và cùng anh Tám, anh Tiến tạm dừng công việc rồi cùng nhau đi đến

trước khu vực nhà B để uống nước. Sau đó, B cầm chiếc liềm đã sử dụng trước đó đi đến khu vực cống nơi đổ bê tông để nói chuyện với vợ chồng ông L, bà Hiền từ đó dẫn đến cãi vã. B cầm liềm bằng hai tay chém nhiều nhát về phía ông L trúng vào vành tai phải và vai phải của ông L khiến ông L bị thương tích, chảy nhiều máu. Sau đó, lưỡi liềm bị tuột khỏi cán thì B tiếp tục dùng cán tre vụt vào đầu của ông L. Bị đánh nên ông L cùng bà Hiền bỏ chạy về nhà. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, bà Hiền đến Công an phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên để trình báo về sự việc. Ông Nguyễn Phúc L được gia đình đưa đến Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên nhập viện cấp cứu và điều trị thương tích từ 10 giờ ngày 06/3/2024 đến 16 giờ ngày 15/3/2024 ra viện.

Tại bản sao Bệnh án ngoại khoa số CT 2400751 ngày 26/3/2024 của Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên đối với ông Nguyễn Phúc L xác định: Ông Nguyễn Phúc L bị 01 (Một) vết thương mặt trước vùng cơ delta cánh tay phải kích thước 3x2cm, bờ mép sắc gọn; 01 (Một) vết thương vành tai phải kích thước 1x0,5cm, bờ mép sắc gọn; tụ máu mỏng dọc liềm não, chỗ dày nhất 2mm.

Ngày 08/3/2024, B đã tự nguyện giao nộp chiếc liềm trên cho Công an phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, được niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia và chữ ký, ghi tên Tạ Văn B.

Ngày 13/3/2024, ông Nguyễn Phúc L có đơn đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tạ Văn B về hành vi gây thương tích cho ông L.

Tại bản Kết luận giám định số 237/KLTTCT - TTPY ngày 26/4/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận:

1. Kết quả chính: Với kết quả hội chẩn chuyên môn sâu ngày 25/4/2024 tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên chưa có căn cứ xác định tổn thương cơ thể “Theo dõi máu tụ dọc liềm não”. Hiện tại có 01 sẹo phần mềm KT trung B, 01 sẹo phần mềm KT nhỏ và 01 sẹo vành tai không co rúm KT nhỏ.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Phúc L tại thời điểm giám định là **06%** (Sáu phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động của vật có cạnh sắc.

Tại Kết luận giám định ADN số HT343.24/PY-XNSH ngày 08/7/2024 của Viện Pháp y Quân đội - Bộ Quốc phòng kết luận: Dấu vết trên phần lưỡi liềm của chiếc liềm (do ông Tạ Văn B giao nộp) gửi giám định có sinh phẩm của người; có

AND nhiễm sắc thể thường trùng khớp với AND nhiễm sắc thể thường từ mẫu máu của ông Nguyễn Phúc L.

Tại Cơ quan điều tra, Tạ Văn B không khai nhận có hành vi gây thương tích cho ông L. B khai: Sáng ngày 06/3/2024, bản thân B có cầm 01 chiếc liềm bằng kim loại gắn với cán tre tổng chiều dài khoảng 1,5 mét đi đến khu vực rãnh nước có tranh chấp giữa hai nhà để móc rác và chổng xuống dưới lòng rãnh nước để không bị ngã; B có nhìn và nghe thấy vợ chồng ông L, bà Hiền đang to tiếng trên phần đất nhà ông L; không có việc tranh cãi hay xô sát giữa B với ông L và khai báo do mùi chất thải dưới cống quá thối khiến ông B bị ngất đi (choáng váng), khi tỉnh táo lại thì không thấy hai vợ chồng ông L, bà Hiền ở đó nên B đi lên khu vực trộn bê tông báo anh Thành, anh Tám, anh Tiến tiếp tục đổ bê tông.

Lời khai của anh Thành, anh Tám và anh Tiến là những người làm chứng xác định: Tại thời điểm xảy ra sự việc sáng ngày 06/3/2024, cả ba người đều không chứng kiến sự việc B gây thương tích cho ông L. Tuy nhiên, anh Thành, anh Tám và anh Tiến đều chứng kiến việc B cầm chiếc liềm có gắn cán tre đi ra khu vực đổ bê tông ở rãnh nước để nói chuyện với ông L, bà Hiền và xác nhận B đã móc sạch rác thải trước đó để thợ xây đặt máy bơm hút nước thải ra ngoài.

Lời khai của Tạ Văn B mâu thuẫn với lời khai của bị hại, đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về thương tích, kết luận giám định ADN, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc liềm có lưỡi kim loại, một cạnh sắc, có gắn cán tre, tổng chiều dài 1,3 mét, đã qua sử dụng. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Về dân sự, bị hại Nguyễn Phúc L yêu cầu Tạ Văn B bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại theo quy định pháp luật. Đến nay, Tạ Văn B chưa bồi thường khoản nào.

Tại bản cáo trạng số 375CT-VKSNDTPTN ngày 30/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố Tạ Văn B về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Giai đoạn xét xử, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái và vi phạm pháp luật, xác định việc khởi tố, truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan. Bị cáo thành khẩn khai báo, rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, đã làm đơn tường trình khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, do bản thân không ý thức được hành vi của mình nên đã không thành khẩn khai báo tại cơ

quan điều tra, nay bị cáo nhận tội, xin lỗi bị hại và gia đình bị hại, đã ý thức tự nguyện nộp một phần tiền bồi thường khắc phục hậu quả về thương tích do bị cáo gây ra cho bị hại và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, trong phần xét hỏi bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, công khai xin lỗi bị hại và gia đình bị hại và nhất trí bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tổn thất về tinh thần đã gây ra cho bị hại, Bị cáo mong gia đình bị hại và HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội, tu dưỡng bản thân, sửa chữa lỗi lầm đã gây ra.

Trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Tạ Văn B phạm tội “ Cố ý gây thương tích”. Đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i, khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Tạ Văn B mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Bị cáo nhất trí tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại theo quy định của pháp luật. Bị hại đồng ý và nhất trí nhận bồi thường theo quy định pháp luật. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại mức bồi thường được tính theo quy định pháp luật.

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp do thuộc trường hợp bị cáo là người cao tuổi. Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có tranh luận gì.

Bị hại có tranh luận lại: Về hình phạt: không nhất trí với mức đề nghị của Viện kiểm sát, hình phạt áp dụng cho bị cáo B là nhẹ, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án cao hơn với mức hình phạt của VKS đã đề nghị. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại nhất trí cho bị cáo được bồi thường trách nhiệm dân sự, đề nghị nhận mức bồi thường quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Tạ Văn B trình bày bản luận cứ và có ý kiến với quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về nội dung vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo Tạ Văn B đã rõ, Bị cáo Tạ Văn B bị truy tố, xét xử về tội “ Cố ý gây thương tích ” theo điểm a, khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không bị oan. Luật sư không có ý kiến gì khác đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

- Về tính chất, mức độ, hành vi, của bị cáo B: Quá trình điều tra, truy tố do nhận thức của bị cáo về pháp luật hạn chế nên bị cáo không ý thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật hình sự nên đã không thành khẩn khai nhận hành vi của mình. Do giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại có mâu thuẫn với nhau từ trước về tranh chấp ranh giới đất, nên thường xảy ra xích mích lời qua tiếng lại, do gia đình bị hại ngăn cản không cho bị cáo đổ bê tông phần móng nhà phía sau nhà của bị cáo nằm sát nương nước giáp ranh giới đất của nhà bị hại, bị hại đến ngăn cản không cho tiếp tục thi công làm dù không liên quan lấn chiếm gì đến đất bị hại(chỉ để nhờ máy bơm nước và ống nước sang đất bị hại, trước đó đã được vợ bị hại cho phép), hai bên đã có lời nói xúc phạm, lời qua tiếng lại với nhau, do bức xúc nên bị cáo đã có hành vi dùng liềm bằng kim loại gây thương tích cho bị hại. Như vậy, đề nghị HĐXX xem xét đến một phần lỗi của bị hại khi có lời lẽ xúc phạm, ngăn cản dẫn đến bị cáo bức tức không làm chủ được hành vi của mình.

Tại giai đoạn xét xử, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị cáo rất ăn năn hối lỗi và thành khẩn khai nhận toàn bộ nội dung sự việc và hành vi phạm tội của mình đã có đơn xin khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, rất ăn năn hối lỗi và xin được xin lỗi đến bị hại, nhất trí bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe cho bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, công khai xin lỗi bị hại, đã ý thức tự nguyện nộp một phần tiền bồi thường khắc phục hậu quả do mình gây ra cho bị hại và nhất trí bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe, tổn thất về tinh thần cho bị hại.

- Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không vi phạm pháp luật, chấp hành tốt các quy định của địa phương, chưa có tiền án, tiền sự. Lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người cao tuổi, tuổi đã cao, sức khỏe yếu, là người có trình độ học vấn thấp nên ý thức về pháp luật có hạn chế dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật hình sự, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2022/NQ - HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao bị cáo B có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo B là hoàn toàn phù hợp, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo B được hưởng mức án thấp nhất, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo cũng như sự khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

- Về phân trách nhiệm dân sự: Bị cáo nhất trí có trách nhiệm bồi thường cho bị hại do hành vi của mình gây ra, đã có ý thức tự nguyện nộp một khoản tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét chi phí hợp lý và đúng quy định đối với chi phí do bị hại kê khai khi thuê xe cấp cứu là 2.500.000đồng do bị hại giao nộp, nếu chỉ thuê xe taxi không phải xe cấp cứu thì giá tiền thấp hơn, bị hại không có giấy tờ nào chứng minh có đi xe cấp cứu, do vậy đề nghị xem xét xin giảm đối với phần chi phí này cho phù hợp. Về phần ngày công chăm sóc: 3.000.000đồng, đề nghị xem xét, vợ bị hại bà Hiền là người trực tiếp chăm sóc bị hại, tuy nhiên bà Hiền là hưu trí, đang được hưởng L hưu do nhà nước chi trả do vậy, không được xem xét được hưởng khoản chi phí này.

Viện kiểm sát có ý kiến tranh luận lại với bị hại: Vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội, giữ nguyên đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo xét thấy là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Viện kiểm sát có ý kiến tranh luận lại với người bào chữa: Về trách nhiệm dân sự căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 590 BLDS bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại khoản tiền chi phí của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị.

Bị hại do không có chứng từ thanh toán về khoản thuê xe cấp cứu nên đồng ý rút yêu cầu khoản tiền thuê xe 2.300.000đồng cho bị cáo, chỉ đề nghị mức chi phí thuê xe vào viện 200.000 đồng.

Bị cáo, người bào chữa, bị hại không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan, bị cáo nhất thời nóng nảy, do không hiểu biết nên đã gây thương tích cho bị hại, nay đã ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, xin được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa những lỗi lầm đã gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố Thái Nguyên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm

chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng. Bị cáo, bị hại đề nghị xét xử vắng mặt người làm chứng. Đại diện VKS đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người đúng tội, bị cáo rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, mong muốn được xin lỗi đến bị hại và chủ động bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi sai trái của mình gây ra cho bị hại. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như vậy có thể kết luận: Khoảng 07 giờ 30 ngày 06/3/2024, tại tổ 09, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, do ông Nguyễn Phúc L ngăn cản nhóm thợ xây được Tạ Văn B thuê đến để đổ bê tông sửa chữa móng nhà của con trai B ở giáp ranh với đất của gia đình ông L dẫn đến B và ông L có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Do bức tức B đã sử dụng 01 chiếc liềm bằng hai tay chém nhiều nhát về phía ông L trúng vào vành tai phải và vai phải của ông L, dùng cán tre vụt vào đầu của ông L. Hậu quả gây thương tích cho ông L với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 06%.

[3]. Đánh giá của Hội đồng xét xử: Bị cáo là người đủ năng lực hành vi trách nhiệm dân sự, bởi lẽ chỉ vì mâu thuẫn trong quá trình sinh sống tại nơi cư trú, do không kìm chế được bản thân nên bị cáo B đã dùng hung khí nguy hiểm là 01 chiếc liềm bằng lưỡi kim loại gây thương tích cho bị hại là ông L với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 6%. Hành vi trên gây tổn thương đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ.

Do vậy hành vi của bị cáo đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một

trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng..., hung khí nguy hiểm,...

Do đó bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[4]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà trong vụ án này là sức khỏe của ông Nguyễn Phúc L, hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi tội phạm với lỗi cố ý, nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo thực hiện.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội có nhân thân tốt chưa có vi phạm pháp luật nơi cư trú, tuy nhiên chỉ vì mâu thuẫn cá nhân giữa hai bên gia đình về ranh giới sử dụng đất, do bức tức về việc bị hại có lời lẽ cãi vã qua lại với mình, mà dẫn đến bị cáo không làm chủ được bản thân, thực hiện hành vi phạm tội.

Xét tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, do bị cáo chưa nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại là sai, trái với quy định pháp luật dẫn đến chưa thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên trong giai đoạn xét xử và tại phiên tòa hôm nay bị cáo B đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi mình đã gây ra, bị cáo công khai xin lỗi bị hại tại phiên tòa, lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã có ý thức tự nguyện nộp khoản tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền là 20.000.000đồng do vậy bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo khi phạm tội đã 68 tuổi, theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi cũng nên xem xét để cho bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phạm tội với người đủ 70 tuổi trở lên.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để bị cáo được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự quy định về án treo và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số

01/2022/NQ - HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cải tạo bị cáo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở công dân tốt cho xã hội, cũng như vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung, thể hiện tính nhân đạo, sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo, bị cáo tuổi tác cũng đã cao, sức khỏe yếu đã hết tuổi lao động nên việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[6]. Về dân sự: Quá trình giải quyết vụ án giữa bị cáo và bị hại chưa thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường thiệt hại về sức khỏe. Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị cáo theo quy định pháp luật, mức bồi thường đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại và đã tự nguyện tạm nộp khoản tiền 20.000.000đồng tại Chi cục THA dân sự thành phố Thái Nguyên để bồi thường khắc phục hậu quả do mình gây ra cho bị hại. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí tiếp tục bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại theo quy định pháp luật, bị hại cũng nhất trí nhận bồi thường thiệt hại từ bị cáo, mức bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định pháp luật, do vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

Giai đoạn xét xử, bị hại giao nộp cho Tòa án các hóa đơn chứng từ liên quan chi phí viện phí, hóa đơn, tiền thuốc, chi phí thuê xe đi lại. Căn cứ vào Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự, HĐXX ấn định như sau:

- Tiền xe ô tô đi cấp cứu vào viện : 2.500.000đồng
- Tiền xe ô tô taxi khi ra viện: 200.000đồng
- Tiền xe ô tô đi giám định thương tích tại Bệnh viện A: 300.000đồng
- Tiền xe ô tô đi đến bệnh viện Quốc tế chụp Citi cắt lớp: 200.000đồng

(Có hoá đơn chứng từ kèm theo)

- Tiền viện phí: 4.022.557đồng
- Tiền thuốc theo hóa đơn(10/3; 15/3; 18/3/2024): 7.281.000đồng
- Hóa đơn dụng cụ y tế: 1.410.000đồng
- Chi phí giám định: 1.400.000 đồng

- 10 ngày công phục vụ chăm sóc trong bệnh viện(*từ ngày 06.03 đến ngày 15.3.2024 theo hoá đơn chứng từ trong hồ sơ*) x 300.000 đ/công = 3000.000đồng.

- Tồn thất tinh thần: 10 tháng L tối thiểu x 2.340.000đ = 23.400.000 đồng

Tổng cộng: 43.713.557đồng

Tại phiên tòa, do bị hại không cung cấp được chứng từ hóa đi thuê xe cấp cứu nên rút phần chi phí thuê xe cấp cứu 2.500.000đồng, do vậy HĐXX tính bằng chi phí thuê xe taxi vào viện là 200.000đồng.

Vậy tổng: 43.713.557 đ - 2.300.000đ = 41.413.557 đồng. Bị cáo nộp tạm ứng số tiền 20.000.000đ tại cơ quan THADS thành phố Thái Nguyên theo biên lai thu số 0000861 ngày 20/01/2025. Được trừ đi số tiền đã nộp **41.413.557đ - 20.000.000đ = 21.413.557đồng**. Bị cáo B còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền là **21.413.557đồng**.

[7]. Vật chứng của vụ án: Cẩn tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc liềm có lưỡi kim loại, một cạnh sắc, có gắn cán tre, tổng chiều dài 1,3 mét, đã qua sử dụng .

[8]. Án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

[9]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Tạ Văn B** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i, khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Tạ Văn B 12**(Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (hai mươi bốn) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Tạ Văn B** cho Ủy ban nhân dân phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tạ Văn B có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Phúc L số tiền 41.413.557đồng(*Bốn mươi một triệu, bốn trăm mười ba nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng*).

Bị cáo B đã nộp tạm ứng số tiền 20.000.000đ tại Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên theo biên lai thu số 0000861 ngày 20/01/2025. Được trừ đi số tiền đã nộp: 41.413.557đ - 20.000.000đ = 21.413.557đồng. Bị cáo B còn phải bồi thường số tiền là **21.413.557đ**(*Hai mươi một triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng*) cho ông Nguyễn Phúc L

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01(một) chiếc liềm có lưỡi kim loại, một cạnh sắc, có gắn cán tre, tổng chiều dài 1,3m đã qua sử dụng – ký hiệu M2

(*Vật chức hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo tình trạng biên bản giao nhận vật chứng số 89 ngày 23/01/2025*).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo B, do bị cáo là người cao tuổi.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày
kể từ ngày tuyên án,
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; bị hại,.
- Lưu HS; lưu BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Anh Thư

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Kết quả biểu quyết 3/3 nhất trí.

Biên bản kết thúc cùng ngày đã được các thành viên HĐXX nghe, đọc lại cùng nhau nhất trí ký tên./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Duy Chính

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; bị hại, NLQ.
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Chính

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Duy Chính

